

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 445/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn giữa anh Trần Văn D
và chị Tạ Thị Thu H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cải

Bà Trịnh Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Trung Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12-8-2019 và 19-8-2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-7-2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1974; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số nhà 38 đường B, phường Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Tạ Thị Thu H, sinh năm 1976; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số nhà 38 đường B, phường Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1943; Nơi cư trú: Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số nhà 38 đường B, phường Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Bà Trần Thị M, sinh năm 1946; Nơi cư trú: Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số nhà 38 đường B, phường Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định (Bà Trần

Thị M ủy quyền cho anh Trần Văn D theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 5 năm 2019).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Hà Công P và chị Đỗ Thị O; Cùng cư trú tại: Xóm B thôn T, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định (Chị Đỗ Thị O có văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 4 năm 2019 cho anh Hà Công P).

Tại phiên tòa: Anh D, chị H, ông T có mặt. Anh P có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 10-01-2019, trong quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Văn D trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tạ Thị Thu H tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố N vào ngày 25 tháng 4 năm 2000. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về lối sống tính cách, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên cũng đã hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng do mâu thuẫn đã kéo dài nên không có kết quả. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tạ Thị Thu H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn D xác nhận vợ chồng có hai con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 26-10-2000 và Trần Đức Ngh, sinh ngày 30-5-2007. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết nuôi con đối với cháu Trần Bảo N. Anh nhất trí để chị H trực tiếp nuôi cháu Ngh và đồng ý việc chị H không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi cháu Ngh. Anh tự nguyện hỗ trợ chị H số tiền 50.000.000VND để chị H nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu phản tố chia tài sản của chị Tạ Thị Thu H, anh Trần Văn D xác nhận vợ chồng có một số tài sản chung là vật dụng gia đình gồm 01 sập gụ (trị giá 30.000.000 VNĐ), 01 tủ chè (trị giá 15.000.000 VNĐ), 02 bức tranh khảm (trị giá 30.000.000 VNĐ), 02 tủ bốn buồng (trị giá 15.000.000 VNĐ), tổng cộng các vật dụng trên trị giá 90.000.000 VNĐ. Vợ chồng anh đã thống nhất thỏa thuận phân chia bằng văn bản: Anh được sở hữu, sử dụng 01 sập gụ, 01 tủ chè, 01 bức tranh khảm, 01 tủ bốn buồng. Anh thanh toán cho chị H số tiền 45.000.000 VNĐ và chị H được sở hữu, sử dụng 01 bức tranh khảm, 01 tủ bốn buồng. Đề nghị Tòa án không giải quyết số tài sản đã liệt kê ở trên.

Đối với nhà đất có tranh chấp, anh D trình bày: Khi biết vợ chồng anh Hà Công P và chị Đỗ Thị O bán nhà đất có địa chỉ số 48/198 đường P, thành phố N, anh trực

tiếp đi xem và thỏa thuận mua nhà của anh P, chị O với giá tiền là 800.000.000 VND. Sau đó, anh và chị H thỏa thuận: anh góp 500.000.000 VND, chị H góp 300.000.000 VND để mua căn nhà này ra ở riêng. Ngày 30-5-2018, vợ chồng anh có đặt cọc cho người bán là anh P và chị O số tiền 30.000.000 VND (đây là số tiền mẹ anh đưa cho anh). Sau khi đặt cọc chị H về trao đổi lại với anh là chị H chỉ vay được 150.000.000 VND, bản thân anh không thể lo được toàn bộ số tiền còn lại nên mẹ anh quyết định sẽ mua căn nhà trên để không bị mất tiền đặt cọc. Mẹ anh đã nhờ anh đứng ra làm các thủ tục giấy tờ chuyển nhượng, đưa tiền cho anh để trả tiền mua nhà đất của anh P và chị O. Anh đã chuyển số tiền này vào tài khoản tiết kiệm của mình để sinh lời và tiện giao dịch. Ngày 03-7-2018, anh rút từ tài khoản của mình ra 170.000.000 VND đưa cho anh P để anh P làm thủ tục giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn nhà trên. Vào buổi sáng ngày 04-7-2018, sau khi bố mẹ anh đã ký hợp đồng chuyển nhượng với anh P và chị O tại Văn phòng công chứng H, anh cùng chị O ra ngân hàng VPBank ở đường D để anh rút 600.000.000 VND từ tài khoản ra thanh toán cho chị O. Toàn bộ tiền mua nhà là do bố anh đưa 50.000.000 VND còn lại là của mẹ anh nên chỉ có chị O, anh P và ông T, bà M ký hợp đồng mua bán nhà đất, sau đó bố mẹ anh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn nhà trên. Đến ngày 13-9-2018, bố mẹ anh đã làm hợp đồng tặng cho căn nhà này cho anh đứng tên một mình sở hữu, sử dụng và đến ngày 05-11-2018 thì anh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CM 986623 mang tên Trần Văn D. Sau đó, anh bỏ toàn bộ tiền để sửa nhà hết khoảng 400.000.000 VND đến 500.000.000 VND, số tiền này anh vay của em gái anh và sẽ có trách nhiệm trả nợ riêng khoản tiền này nên không đề nghị Tòa án giải quyết, chị H không đóng góp gì trong việc xây sửa nhà. Anh xác nhận sau khi anh đã trả hết tiền mua nhà cho bố mẹ anh xong thì anh có nhận của chị H số tiền 150.000.000 VND tiền mặt. Anh xác định số tiền này anh vay của chị H để sử dụng vào mục đích trả nợ và chi tiêu cá nhân, không sử dụng vào việc trả tiền mua nhà cho anh P và chị O. Sau khi chị H biết bố mẹ anh tặng cho anh căn nhà này làm tài sản riêng, ngày 09-01-2019 chị H đã yêu cầu anh trả lại số tiền gốc đã đưa và 04 tháng tiền lãi, anh đã trả lại chị H số tiền 150.000.000 VND và 05 tháng tiền lãi là 7.500.000 VND. Anh xác định nhà đất số 48/198 đường P, thành phố N là tài sản anh được bố mẹ tặng cho riêng không phải là tài sản chung của vợ chồng, chị H cũng không có đóng góp công sức gì nên anh không nhất trí chia theo yêu cầu của chị Tạ Thị Thu H.

* Tại bản tự khai, đơn phản tố yêu cầu chia tài sản khi ly hôn ngày 22-02-2019, trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là chị Tạ Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung như anh Trần Văn D đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị phát hiện anh D không chung thủy, có hành vi bạo lực đối với chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn không thể hòa giải nên chị nhất trí ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết nuôi con đối với cháu Trần Bảo N. Chị đề nghị được nuôi cháu Trần Đức Ngh và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi cháu Ngh. Chị không nhận số tiền 50.000.000VND anh D hỗ trợ chị để nuôi con.

- Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng:

+ Chị xác nhận vợ chồng có một số tài sản chung là vật dụng gia đình như anh D trình bày là đúng. Vợ chồng chị đã có văn bản thống nhất thỏa thuận tự phân chia số tài sản này và không đề nghị Tòa án giải quyết như anh D trình bày là đúng.

+ Đối với căn nhà có diện tích đất 67,2m² thửa số 131 tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ số 48/198 đường P, thành phố N, chị Hoài trình bày: Sau khi biết anh Hà Công P và chị Đỗ Thị O bán nhà, vợ chồng chị đã đến xem và thỏa thuận mua với giá là 800.000.000 VND. Chị và anh D đã thỏa thuận: chị góp 300.000.000 VND còn anh D góp 500.000.000 VND để mua căn nhà này. Ngày 30-5-2018, vợ chồng chị có đặt cọc cho anh P và chị O số tiền 30.000.000 VND (đây là số tiền của anh D bỏ ra, chị không biết nguồn gốc số tiền này của anh D), số tiền còn lại là 770.000.000 VND hai bên thỏa thuận sẽ thanh toán nốt vào ngày 04-7-2018. Sau đó anh D và anh P thỏa thuận riêng với nhau anh D sẽ đưa trước cho anh P 170.000.000 VND để anh P làm thủ tục giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn nhà này. Khoảng 8 đến 9 giờ sáng ngày 04-7-2018, chị từ chỗ làm về nhà đưa cho anh D 150.000.000 VND (số tiền này chị vay của người quen) để anh D trả tiền mua nhà cho anh P và chị O, trước khi đưa tiền cho anh D chị đã chụp ảnh số tiền này lưu giữ để làm bằng chứng. Anh D đã nhận và nói “Đã thỏa thuận góp 300.000.000 VND giờ chỉ vay được 150.000.000 VND thì làm sao mà đủ”. Sau khi giao tiền cho anh D, do tin tưởng nên chị giao phó toàn bộ thủ tục mua bán nhà đất và thủ tục sang tên giấy tờ nhà đất cho anh D. Chị ở lại số nhà 38 phố B, thành phố N lo cơm nước, lúc này ở nhà cùng chị có cả ông T và bà M nên chị không có mặt để tham gia giao nốt số tiền còn lại và ký hợp đồng chuyển nhượng với anh P và chị O. Sau khi nhận đầy đủ tiền, do anh D không yêu cầu nên anh P và chị O không ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho vợ chồng chị vào thời điểm đó và đến buổi chiều cùng ngày anh D gọi cho anh P yêu cầu đến văn phòng công chứng để làm hợp đồng chuyển nhượng sang tên cho ông T, bà M. Nội dung hợp đồng chuyển nhượng chị không nắm được, anh D không thông báo lại cho chị. Chị có yêu cầu anh D làm giấy tờ nhà đất để thế chấp ngân hàng lấy tiền sửa nhà nhưng anh D nói chưa có tiền để làm sổ đỏ nên chị không có ý kiến gì, không hỏi anh D về giấy tờ nhà đất. Đến ngày chuyển đến nhà mới chị phát hiện ra căn nhà trên là tài sản mang tên bố mẹ chồng tặng riêng cho anh D đứng tên sở hữu mà không có tên chị. Chị có nói chuyện với anh D về vấn đề này thì bị anh D có lời lẽ xúc phạm phủ nhận đóng góp của chị. Ngày 09-01-2019, anh D nói với chị số tiền 150.000.000 VND chị đưa cho anh thì coi như anh vay chị và anh đề nghị trả lại chị số tiền đó, do anh D đánh và ép nên chị đã yêu cầu anh D trả lại cho chị số tiền 150.000.000 VND và 04 tháng tiền lãi. Ngày 13-01-2019, anh D đã trả lại chị số tiền 150.000.000 VND và 7.500.000 VND tương đương với 05 tháng tiền lãi. Chị đã nhận số tiền này và đã trả lại cho những người chị đã vay. Chị xác nhận toàn bộ số

tiền sửa nhà do anh D bỏ ra, số tiền sửa nhà và nguồn gốc tiền sửa nhà như thế nào chị không nắm được do anh D không thông báo cho chị biết. Chị xác định tuy không bỏ ra một khoản tiền nào nhưng chị đóng tiền học cho cháu Ngh và sinh hoạt chung cho bốn thành viên trong gia đình khoảng tám đến chín triệu đồng/tháng còn anh D đóng tiền ăn, học phí cho cháu Bảo N nên chị cũng có đóng góp công sức trong khối tài sản này. Chị yêu cầu Tòa án xem xét công sức đóng góp của chị và chia 40% giá trị nhà đất bằng giá trị tiền là 470.000.000 VND.

+ Về công nợ, nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Trần Văn T trình bày quan điểm: Khi mua căn nhà này ông có cho anh D số tiền 50.000.000 VND. Khi làm thủ tục mua bán căn nhà tại văn phòng công chứng H, ông không đọc nội dung chỉ ký hợp đồng đứng tên hộ. Ông cho rằng căn nhà là tài sản chung của anh D, chị H vì anh D cũng bỏ tiền ra mua, nguồn gốc tiền của anh D là do anh D bán được mảnh đất ở xã M mà có, ông là người đứng tên hộ mảnh đất ở xã M cho anh D nên ông biết. Ông không có yêu cầu gì đối với căn nhà có tranh chấp.

* Bà Trần Thị M trình bày quan điểm: Vợ chồng bà là người đứng ra mua căn nhà này của anh P, chị O. Nguồn gốc tiền mua nhà thì ông T góp 50.000.000 VND, bà có 400.000.000 VND còn lại là của con gái bà cho vay, bà đã trả được hết số tiền nợ này cho con gái bà. Do anh D là người thạo giấy tờ liên quan đến nhà đất nên vợ chồng bà nhờ anh D đứng ra lo thủ tục giấy tờ mua bán và trực tiếp chuyển trả tiền cho vợ chồng anh P, chị O, vợ chồng bà chỉ có mặt ký tên vào hợp đồng mua bán. Chị H không đưa tiền cho vợ chồng bà để mua nhà còn việc chị H có đưa tiền cho anh D hay không thì bà không biết. Khi chị H biết không có tên trong giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng nhà đất thì cũng không có ý kiến gì với vợ chồng bà. Bà xác định căn nhà 48/198 đường P, phường Đ, thành phố N là tài sản của vợ chồng bà đã làm thủ tục tặng cho riêng anh D. Bà cũng không có yêu cầu gì đối với căn nhà có tranh chấp.

* Anh Hà Công P có lời khai trình bày: Vợ chồng anh thỏa thuận bán căn nhà cho anh D với giá 800.000.000 VND. Ngày 30-5-2018, anh D và chị H đến nhà anh đặt cọc 30.000.000 VND và thỏa thuận đến ngày 04-7-2018 sẽ thanh toán nốt số tiền 770.000.000 VND. Đến ngày 03-7-2018 anh có đề nghị anh D đưa 170.000.000 VND để giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn nhà trên do vợ chồng anh đang thế chấp tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Việc này chỉ có anh và anh D thỏa thuận làm việc với nhau. Đến sáng ngày 04-7-2018, vợ chồng anh cùng anh D đến Văn phòng công chứng H ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nêu trên. Khi thấy tên người mua là ông Trần Văn T và bà Trần Thị M anh có hỏi thì anh D nói “Bố mẹ em là người mua”. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng xong thì vợ anh cùng anh D đến ngân hàng VPBank ở đường N, anh D rút số tiền còn lại là 600.000.000 VND bàn giao cho vợ anh ngay tại ngân hàng. Sau đó vợ chồng anh cùng anh D về căn nhà số 48/198 đường P, thành phố N làm thủ tục bàn giao nhà lúc này chị H mới có mặt tham gia. Anh xác nhận

trong quá trình xem nhà, thỏa thuận giá cả, thanh toán tiền mua nhà vợ chồng anh chỉ làm việc với anh D còn chị H không có mặt cũng không trực tiếp thanh toán tiền cho vợ chồng anh. Ngày 25-01-2019, chị H có đến nhà anh đề nghị vợ chồng anh xác nhận vào đơn là bán nhà cho vợ chồng anh D, chị H với giá 800.000.000 VND nhưng không nói rõ mục đích cụ thể để làm gì. Vì chị H không nói rõ vợ chồng đang có tranh chấp về tài sản khi ly hôn và ngày 30-5-2018 đúng là anh D, chị H có đến nhà anh đặt cọc cho vợ chồng anh 30.000.000 VND nên vợ chồng anh cho rằng anh D, chị H là người mua căn nhà này vì thế đã xác nhận vào đơn của chị H đưa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, trên cơ sở đề nghị của chị H: Tòa án đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân và con chung tại nơi anh D, chị H cư trú. Tòa án đã thu thập hồ sơ nhà đất tranh chấp tại Văn phòng đăng ký nhà đất và thành lập Hội đồng định giá tài sản tranh chấp, Hội đồng định giá xác định giá trị quyền sử dụng đất là 604.800.000 VND, giá trị nhà ở là 569.563.000 VND, tổng giá trị tài sản là 1.174.363.000 VND.

Tại phiên tòa: Chị Tạ Thị Thu H có đơn tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu đơn phản tố ngày 22-02-2019. Anh Trần Văn D và ông Trần Văn T nhất trí với đơn đề nghị này của chị Tạ Thị Thu H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

- Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

+ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn D và chị Tạ Thị Thu H.

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Trần Văn D và chị Tạ Thị Thu H: Chị Tạ Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trần Đức Ngh, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2007, chị Tạ Thị Thu H tự nguyện không yêu cầu anh Trần Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu đã rút của chị Tạ Thị Thu H.

+ Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là anh Trần Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Tạ Thị Thu H. Bị đơn là chị Tạ Thị Thu H có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án chia tài sản khi ly hôn. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị Tạ Thị Thu H yêu cầu và xét thấy tài sản tranh chấp có liên quan đến ông Trần Văn T và bà Trần Thị M, vợ chồng anh Hà Công P và chị Đỗ Thị O nên Tòa án xác định ông Trần Văn T và bà Trần Thị M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; anh Hà Công P và chị Đỗ Thị O tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

Bà Trần Thị M có văn bản ủy quyền toàn bộ cho anh Trần Văn D. Anh Hà Công P, chị Đỗ Thị O đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Văn D và chị Tạ Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của anh D, chị H cũng như kết quả xác minh của Tòa án tại nơi hai bên cư trú cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài và tại phiên tòa, cả anh D và chị H đều có quan điểm thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn D và chị Tạ Thị Thu H.

2.2. Về tranh chấp nuôi con:

Anh Trần Văn D và chị Tạ Thị Thu H thống nhất thỏa thuận: Chị Tạ Thị Thu H trực tiếp nuôi cháu Trần Đức Ngh, chị H tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của anh D và chị H là tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của anh D và chị H.

2.3. Về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn:

Do chị Tạ Thị Thu H tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu đơn phản tố ngày 22-02-2019. Anh Trần Văn D và ông Trần Văn T nhất trí với đề nghị này của chị Tạ Thị Thu H. Vì vậy, căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu đã rút của chị Tạ Thị Thu H.

2.4 Về công nợ, nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh Trần Văn D và chị Tạ Thị Thu H đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 5 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 do chị Tạ Thị Thu H là người yêu cầu định giá tài sản nên phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 3.000.000 VND (Ba triệu đồng). Chị Tạ Thị Thu H đã nộp đủ số tiền này.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí trong vụ án sẽ được giải quyết như sau:

Anh Trần Văn D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng).

Chị Tạ Thị Thu H không phải nộp án phí giá ngạch tài sản tranh chấp. Tiền tạm ứng án phí chị Tạ Thị Thu H đã nộp sẽ được trả lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 18, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn D và chị Tạ Thị Thu H.

2. Về nuôi con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Trần Văn D và chị Tạ Thị Thu H: Chị Tạ Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trần Đức Ngh, sinh ngày 30-5-2007, chị Tạ Thị Thu H tự nguyện không yêu cầu anh Trần Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn D và chị Tạ Thị Thu H đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn: Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu đơn phản tố ngày 22-02-2019 của chị Tạ Thị Thu H.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Văn D phải nộp số tiền là 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ số tiền tạm ứng án phí anh Trần Văn D đã nộp theo biên lai số 0000487 ngày 17-01-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

Chị Tạ Thị Thu H không phải nộp án phí. Trả lại chị Tạ Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí là 14.900.000VND (Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0002120 ngày 20-3-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

5. Quyền kháng cáo:

Anh Trần Văn D, chị Tạ Thị Thu H, bà Trần Thị M, ông Trần Văn T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng